Biểu 10/CH

39/TTr-UBND 29/03/2023 15:07:13

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2023 - HUYỆN TU MƠ RÔNG

STT	Hạng mục	Mã loại đất		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ loại đất																																		Địa điểm (đến cấp Xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất Cấp xã	Văn bản pháp lý ghi vốn
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSN	RST	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	SON	CSD			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(42)		(43)
1	**Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**																																										
1.1	**Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh**																																										
1.1.1	**Công trình dự án chuyển tiếp**																																										
1	Đất thao trường Quân sự	CQP	CQP	0.25		0.25						0.25																												Xã Đăk Rơ Ông		Văn bản số 262/VB ngày 4/11/2022 của văn phòng UBND huyện Tu Mơ Rông về việc chuyển đạt ý kiến chỉ đạo của lãnh đao UBND huyện về việc cập nhật vào Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất hằng năm 2023 để xây dựng các thao trường huấn luyện
2	Trụ sở BCH quân sự xã	CQP	CQP	0.05		0.05			0.05																														-	Xã Đăk Rơ Ông		
3	Đất thao trường Quân sự	CQP	CQP	2.00		2.00				2.00																													-	Xã Đăk Rơ Ông		
4	QH Đất quân sự huyện: Thao trường huấn luyện - thao trường bắn trung tâm huyện Tu Mơ Rông	CQP	CQP	3.31		3.31			0.14			3.17																											-	Xã Đăk Hà		
1.1.2	**Công trình, dự án, đăng ký mới**																																										
1	Đất thao trường Quân sự	CQP	CQP	12.21		12.21			10.00	2.21																														Xã Tu Mơ Rông		Văn bản số 262/VB ngày 4/11/2022 của văn phòng UBND huyện Tu Mơ Rông về việc chuyển đạt ý kiến chỉ đạo của lãnh đao UBND huyện về việc cập nhật vào Quy hoạch sử dụng đất, Kế hoạch sử dụng đất hằng năm 2023 để xây dựng các thao trường huấn luyện
2	Trụ sở làm việc BCH Quân sự xã	CQP	CQP	0.09		0.09			0.09																															Xã Ngọc Yêu		
3	Cơ sở làm việc công an huyện Tu Mơ Rông	CAN	CAN	0.65	0.65	-																																		Xã Đăk Hà		Văn bản số 3436/CAT-PH10 ngày 03/11/2022 của Công an tỉnh Kon Tum về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2023
4	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.20		0.20			0.20																															Xã Đăk Hà		
5	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.15		0.15			0.15																															Xã Đăk Na		
6	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10			0.10																															Xã Đăk Rơ Ông		
7	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10			0.10																															Xã Đăk Sao		
8	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10			0.10																															Xã Đăk Tờ Kan		
9	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.27		0.27			0.27																															Xã Măng Ri		
10	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10			0.10																															Xã Ngọc Lây		
11	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10			0.10																															Xã Ngọc Yêu		
12	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10			0.10																															Xã Tê Xăng		
13	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.23		0.23			0.23																															Xã Tu Mơ Rông		
14	Trụ sở làm việc Công an xã	CAN	CAN	0.10		0.10																														0.10				Xã Văn Xuôi		
1.2	**Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**																																										
1.2.1	**Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất**																																										
1.2.2	**Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất**																																										
2	**Các công trình, dự án còn lại**																																										
2.1	**Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất**																																										
2.1.1	**Công trình, dự án chuyển tiếp**																																										
1	Dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ". Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Xia	DHT	DGT	2.61	0.28	2.33			1.61	0.69				0.01				0.01									-	-	-	-	-	-	-	-	0.01		-	-	-	-	Xã Ngọc Lây		Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thận chủ trương đầu tư và Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. (Đã giao đất để thục hiện dự án là (9,39ha) còn lại tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý về đất đai)
2	Đường từ quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8 xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông)	DHT	DGT	32.00	8.00	24.00			10.50	12.50			1.00																											Xã Đăk Hà		Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HDND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
2.1.2	**Công trình, dự án đăng ký mới**																																										
1	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Pu tá	DHT	DGT	0.07	0.00	0.07				0.02																								0.03	0.01						Xã Măng Ri		Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận má phải thu hồi đất.
2	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riệp 1 xã Đăk Na	DHT	DGT	8.47	3.16	5.31		0.26	1.01	0.69														0.01										0.11	1.98			0.03	0.65	0.57	Xã Đăk Na		
3	Nâng cấp sửa chữa đường liên xã Đăk Hà qua xã Tu Mơ Rông (đoạn xã Đăk Rơ Ông). ((Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Đăk Hà qua xã Đăk Rơ Ông (đoạn xã Đăk Rơ Ông))	DHT	DGT	5.72	4.50	1.22			0.70	0.52																															Xã Đăk Rơ Ông		
4	Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Đăk Hà qua xã Đăk Rơ Ông (đoạn xã Đăk Tờ Kan)	DHT	DGT	6.85	3.26	3.59			2.81	0.60																	-	-	-	-	0.06	-	-	-	-		-	-	-	0.12	Xã Đăk Tờ Kan		
5	Nâng cấp sửa chữa đường liên xã Đăk Hà qua xã Tu Mơ Rông (đoạn qua xã Đăk Hà). (Nâng cấp, sửa chữa đường liên xã Đăk Hà qua xã Đăk Rơ Ông (đoạn qua xã Đăk Hà))	DHT	DGT	8.22	7.00	1.22			0.72	0.50																															Xã Đăk Hà		
6	Sửa chữa nâng cấp đường nội thôn Mô Za (toàn tuyến 2km)	DHT	DGT	5.83	1.00	4.83			4.83																															Xã Ngọc Lây		
7	Đường đi khu sản xuất thôn Kon Hia 3, xã Đăk Rơ Ông	DHT	DGT	2.00	1.00	1.00			0.41	0.59																														Xã Đăk Rơ Ông		
8	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Sao huyện Tu Mơ Rông	DHT	DGT	7.53	7.00	0.53			0.30	0.20																									0.03					Xã Đăk Sao		
9	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Rơ Ông và xã Đăk Tờ Kan huyện tu Mơ Rông (địa phận xã Đăk Rơ Ông)	DHT	DGT	6.52	2.00	4.52			3.00	1.52																														Xã Đăk Rơ Ông		
10	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tại chỗ xã Đăk Rơ Ông và xã ĐăkTờ Kan huyện tu Mơ Rông (địa phận xã ĐăkTờ Kan)	DHT	DGT	2.45	1.00	1.45			1.10	0.35																														Xã Đăk Tờ Kan		
11	Đường đi khu sản xuất thôn Măng Rương I, Măng Rương II (Đoạn nối tiếp Đường Bê tông đi khu sản xuất giai đoạn II)	DHT	DGT	0.10	0.10	-																																		Xã Ngọc Lây		
12	Sửa chữa nâng cấp đường nội thôn Lộc Bông	DHT	DGT	0.34	0.17	0.17		0.03	0.13																															Xã Ngọc Lây		
13	Đường trục chính nội thôn Lộc Bông	DHT	DGT	0.04		0.04		0.02	0.02																															Xã Ngọc Lây		
14	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Chum 2	DHT	DGT	1.00		1.00			1.00																															Xã Tê Xăng		
15	Gia cố các hạng mục xung yêu trên tuyến đường vào và đường nội bộ khu tái định cư thôn Tu Thó, xã Tê Xăng	DHT	DGT	2.70	2.70	-																																		Xã Tê Xăng		
16	Đường liên thôn từ thôn Tu Cấp vào thôn Đăk Ka - Văn Sang - Đăk Neang, xã Tu Mơ Rông	DHT	DGT	3.50	0.50	3.00			1.50	1.50																														Xã Tu Mơ Rông		
17	Sửa chữa đường vào khu tái định cư thôn Long Tro, Ba Khen, xã Văn Xuôi	DHT	DGT	2.00	2.00	-																																		Xã Văn Xuôi		
18	Nâng cấp sửa chữa đường từ UBND xã qua thôn Trung tam, thôn Pu Tá	DHT	DGT	1.17	0.71	0.46			0.46																															Xã Măng Ri		
19	Đường đi khu sản xuất Xu Hom thôn Ngọc La	DHT	DGT	0.04		0.04			0.04																															Xã Măng Ri		
20	Đường thôn Ty Tu đi khu sản xuất tập trung xã Đăk Hà	DHT	DGT	3.21		3.21			3.00																													0.21	-	Xã Đăk Hà		
21	Nâng cấp đường giao thông thôn Năng Lớn 1, xã Đăk Sao	DHT	DGT	1.50	0.99	0.51			0.17	0.28	-																				0.002							0.02	0.04	Xã Đăk Sao		
22	Đường đi khu sản xuất, thác Siu Puông, xã Đăk Na	DHT	DGT	2.52	2.00	0.52		0.01	0.25	0.25																												0.01		Xã Đăk Na		
23	Cầu và đường vào thôn La Giông, xã Đăk Rơ Ông	DHT	DGT	3.14	1.17	1.97	0.18		0.05	1.23																									0.35		0.02	-	0.03	0.11	Xã Đăk Rơ Ông		
24	Đường trục đi KSX Kon Hia 1 (đoạn nối tiếp) chân đèo Văn Loan	DHT	DGT	1.03	0.24	0.79			0.04	0.67																									0.08		-	-	-	-	Xã Đăk Rơ Ông		
25	Dự án khẩn cấp di dời bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai thôn Kon Hia 1 xã đăk rơ ông	ONT	ONT	17.00		17.00			7.00	10.00																														Xã Đăk Rơ Ông		
26	Dự án khẩn cấp bố trí giãn dân ổn định dân cư vùng thiên tai thôn Tu Mơ Rông và thôn Đăk Siêng xã Đăk Hà	ONT	ONT	16.70		16.70			8.00	5.70			2.00																										1.00	Xã Đăk Hà		
27	Nước sinh hoạt thôn Ba Tu 3, xã Ngọc Yêu	DHT	DTL	1.10	1.10	-																																		Xã Ngọc Yêu		
28	Nước sinh hoạt tập trung khu tái định cư Ba Khen - Long Tro xã Văn Xuôi	DHT	DTL	1.00	1.00	-																																		Xã Văn Xuôi		
29	Nước sinh hoạt tập trung Thôn Long Hy 2 - xã Măng Ri	DHT	DTL	1.00		1.00			1.00																															Xã Măng Ri		

STT	Hạng mục	Mã loại đất		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ loại đất																																	Địa điểm (đến cấp Xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất Cấp xã	Văn bản pháp lý ghi vốn
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSN	RST	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	SON	CSD			
30	Thuỷ lợi xã Đăk Sao (Hạng mục: Thuỷ lợi Đăk Pri)	DHT	DTL	6.00		6.00			0.04	5.97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-																		Xã Đăk Sao		Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất
31	Thủy lợi Kô Kip, xã Ngọk Lây	DHT	DTL	1.00		1.00			0.50	0.50																														Xã Ngọc Lây		
32	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt trung tâm xã Ngọc Yêu	DHT	DTL	1.10	1.10	-																																		Xã Ngọc Yêu		
33	Cấp nước sinh hoạt các thôn xã Đăk Hà	DHT	DTL	0.98	0.98	-					-																													Xã Đăk Hà		
34	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Đăk Hà (hạng mục nhánh nhỏ)	DHT	DTL	0.93	0.93	-																																		Xã Đăk Hà		
35	Thủy lợi Đăk Pui, xã Đăk Tờ Kan	DHT	DTL	1.00		1.00		0.01	0.49																									-	-	-	-	0.50		Xã Đăk Tờ Kan		
36	Khu văn hoá, kết hợp dụng cụ thể dục thể thao, xã Đăk Hà	DHT	DTT	0.47		0.47					-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.24	-														0.23				Xã Đăk Hà		
37	Khu văn hóa thể thao xã Tu Mơ Rông	DHT	DTT	0.80		0.80			0.80																															Xã Tu Mơ Rông		
38	Khu văn hoá thể thao xã Đăk Sao	DHT	DTT	6.00		6.00			0.04	5.97	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-																		Xã Đăk Sao		
39	Chợ trung tâm xã Ngọk Lây	DHT	DCH	0.46		0.46			0.15	0.31																														Xã Ngọc Lây		
40	Hội trường đa năng xã Đăk Na	DHT	DVH	0.23		0.23																														0.23				Xã Đăk Na		
41	Hội trường đa năng xã Văn Xuôi	DHT	DVH	0.10		0.10																														0.10				Xã Văn Xuôi		
42	Quảng trường kết hợp khu thể thao xã Đăk Hà	DHT	DVH	1.46		1.46			1.32		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.05	-																0.08		Xã Đăk Hà		
43	Trung tâm giáo dục thường xuyên-giáo dục nghề nghiệp	DHT	DGD	1.66	0.45	1.21				1.20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.01	-																		Xã Đăk Hà		
44	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung và tại chỗ xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông.	ONT	ONT	9.21		9.21			4.95	2.87											0.16																	0.11	1.13	Xã Đăk Hà		
		DHT	DGT	1.71	1.32	0.39			0.30	0.07																													0.02	Xã Đăk Hà		
		DHT	DTL	0.08	0.02	0.06	0.01		0.03	0.02																														Xã Đăk Hà		
45	Thủy điện Đăk Psi 2	DHT	DNL	2.76	0.70	2.06			-				2.1																										-	Xã Tê Xăng		
46	Thủy điện Thượng Đăk Psi	DHT	DNL	33.08	25.04	8.04				4.00		4.04																											-	Xã Ngọc Yêu		
47	Thuỷ điện Thượng Đăk Psi 1	DHT	DNL	12.22		12.22	0.03		5.68	0.80		0.48									0.04																	5.19		Xã Ngọc Yêu		
		DHT	DNL	6.66		6.66			1.42		3.04																											2.20		Xã Tu Mơ Rông		
2.2	**Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**					-																																				
2.2.1	**Công trình dự án chuyển tiếp**																																									
1	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ bà Trịnh Thị Tâm thửa 115 tờ 24	ONT	ONT	0.02		0.02			0.02																															Xã Đăk Sao	thửa 115 tờ 24	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
2	Chuyển mục đích thửa 03 TBĐ TĐ01-2020, thôn Kạch Nhỏ	ONT	ONT	0.10		0.10			0.10																															Xã Đăk Sao	thửa 03 TBĐ TĐ01-2020	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
3	Xây dựng cây xăng	TMD	TMD	0.87		0.87			0.87																															Xã Tu Mơ Rông		Nhu cầu chuyển mục đích doanh nghiệp
4	Trạm thu mua nông sản và các dịch vụ khác	TMD	TMD	1.04		1.04			1.04																															Xã Ngọc Yêu	Thôn Ngọc Đo 2	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
5	Đất thương mại dịch vụ xã Tu Mơ Rông	TMD	TMD	0.43		0.43			0.43																															Xã Tu Mơ Rông	Đăk Chum 2	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
6	Đất thương mại dịch vụ (của ông Nguyễn Văn Mẫn)	TMD	TMD	1.51	0.00	1.51			1.51																															Xã Tê Xăng	Thôn Tu Thó	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
7	Đất thương mại dịch vụ xã Đăk Na ông A Nghiêm	TMD	TMD	0.30	-	0.30			0.30																															Xã Đăk Na	Thửa số 1 tờ bản đồ số 1 trích đo 2021;Thôn Mô Pành 2	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
8	Đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thu mua nông sản của ông Phạm Minh Thế)	TMD	TMD	0.22		0.22			0.22																															Xã Văn Xuôi	Thôn Đăk Văn 2	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
9	Trạm thu mua nông sản	TMD	TMD	0.07	0.00	0.07			0.07																															Xã Đăk Hà	Thử đất số 9, tờ bản đồ 2, Thôn Ngoc Leng	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
10	Đất thương mại dịch vụ của ông Nguyễn Văn Thành	TMD	TMD	0.19		0.19				0.19																														Xã Đăk Sao	thửa đất số 319;321;324, tờ bản đồ số 34; thôn Kạch nhỏ	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
11	Trạm thu mua nông sản ông Nguyễn Văn Điệp	TMD	TMD	0.05	0.00	0.05			0.01	0.03																												0.01	Xã Đăk Sao	Thửa 258; tờ bản đồ số 35	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
12	Trạm thu mua nông sản ông Nguyễn Văn Thành	TMD	TMD	0.08	0.00	0.08																												0.08						Xã Đăk Sao	Thửa số 553, tờ bản đồ số 35	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
13	Chăn nuôi heo công nghệ cao Cao Hoàng Hồng Hoa (Thôn Kon Hnông)	NKH	NKH	1.40	0.70	0.70			0.70																															Xã Đăk Tờ Kan	Thôn Kon Hnông	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
2.2.2	**Công trình dự án đăng ký mới**																																									
1	Đất thương mại dịch vụ	TMD	TMD	0.32		0.32			0.32																															Xã Ngọc Yêu	Thôn Ba Tu 2	Nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình các nhân
2	Trạm QLBVR Đăk Tơ Kan, Thôn Đăk Tang, Xã Đăk Tơ Kan.	PNK	PNK	0.11		0.11			0.11																															Xã Đăk Tờ Kan		Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ngày 19/09/2022 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Tô
3	Trạm QLBVR Măng Ri, Thôn Ngọc La, Xã Măng Ri.	PNK	PNK	0.12		0.12			0.12																															Xã Măng Ri		
4	Trạm QLBVR Ngọc Lây, Thôn Cô Sia 2, xã Ngọc Lây	PNK	PNK	0.05		0.05							0.05																											Xã Ngọc Lây		
5	Trụ sở làm việc Ban trồng rừng nguyên liệu giấy Văn Xuôi	PNK	PNK	0.25	0.00	0.25			0.16																									0.09						Xã Tu Mơ Rông		Văn bản đề nghị bổ sung danh mục cần thực hiện trong năm 2022 của Công ty Nguyên liệu giấy miền nam
6	Trụ sở làm việc Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Tu Mơ Rông	PNK	PNK	0.12	0.12	-																																		Xã Đăk Hà		Quyết định số 87/2013/QĐ-UBND ngày 5/02/2013 của UBND tỉnh Kon Tum
7	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông Mai Duy Lương thửa 51 tờ 23	ONT	ONT	0.02		0.02			0.02																															Xã Đăk Hà	thửa 51 tờ 23	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
8	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông Hoàng Văn Sỹ thửa 53 tờ 29	ONT	ONT	0.03		0.03			0.03																															Xã Đăk Hà	Thửa 53 tờ 29	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
9	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông Lê Văn Huy thửa 52 tờ 29	ONT	ONT	0.03		0.03			0.03																															Xã Đăk Hà	Thửa 52 tờ 29	Đơn đăng ký nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân
2.3	**Các khu vực sử dụng đất khác**					-																																				
2.3.1	**Công trình, dự án chuyển tiếp**																																									
1	Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Tỉnh ủy	DHT	DDT	0.50	0.15	0.35			0.35																															Xã Măng Ri		Nghị quyết số 51/NQ-HĐND, ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum vềviệc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của dự án tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử các mạng Khu Căn cứ tỉnh uỷ
	Đường lên khu di tích lịch sử cách mạch căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum	DHT	DGT	0.80	0.80	-																																	-	Xã Măng Ri		
2	Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter. (Đường kết hợp kè suối Đăk Ter trung tâm huyện Tu Mơ Rông (Các đoạn còn lại))	DHT	DGT	9.00	0.12	8.88			8.78									0.01															0.04				0.06		Xã Đăk Hà		Quyết định số 1342/QĐ-UBND, ngày19/12/2020 về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 huyện Tu Mơ Rông. (Dự án đưa vào làm thủ tục pháp lý về đất đai)
3	Đường giao thông kè chắn tạo quỹ đất ở thôn Mô Pả	DHT	DGT	10.98	0.58	10.40	0.03		2.63	0.33		1.33																			0.30		2.02				3.76		Xã Đăk Hà		
4	Đập dâng, kết hợp mặt bằng đường bố trí dân cư thôn Mô Pả, xã Đăk Hà: Hạng mục đường giao thông T1 và T2	DHT	DGT	0.46		0.46			0.20	0.21																												0.05	Xã Đăk Hà		
5	Đập dâng, kết hợp mặt bằng, đường bố trí dân cư thôn Mô Pả, xã Đăk Hà: Hạng mục Đập thủy lợi)	DHT	DTL	0.83	0.00	0.83		0.05	0.30	0.20				0.01				0.01															0.01				0.20	0.05	Xã Đăk Hà		
6	Đập dâng kết hợp đường đi khu sản xuất thôn Mô Pả, xã Đăk Hà	DHT	DGT	1.90		1.90			1.90																														-	Xã Đăk Hà		
7	Đập dâng, kết hợp mặt bằng đường bố trí dân cư thôn Mô Pả, xã Đăk Hà: Hạng mục Bố trí dân cư	ONT	ONT	1.82		1.82			1.00	0.75											0.001																		0.07	Xã Đăk Hà		
8	Di dời tái định cư cho các hộ dân tại 3 xã Tê Xăng, Tu Mơ Rông và Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND, UBMTTQVN xã Tu Mơ Rông Hạng mục: Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND, UBMTTQVN; Hội trường, nhà làm việc công an xã và các công trình phụ trợ	TSC	TSC	0.40		0.40				0.40																													-	Xã Tu Mơ Rông		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tinhkon Tum; Quyết định số 1342/QĐ-UBND, ngày19/12/2020 về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 huyện Tu Mơ Rông(Dự án đưa vào làm thủ tục pháp lý về đất đai)
9	Di dời tái định cư cho các hộ dân tại 3 xã Tê Xăng, Tu Mơ Rông và Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND, UBMTTQVN xã Tu Mơ Rông Hạng mục: Tái định cư 139 hộ thôn Tu Thó, xã Tê Xăng	ONT	ONT	11.01	11.01	-																																	-	Xã Tê Xăng		
10	Di dời tái định cư cho các hộ dân tại 3 xã Tê Xăng, Tu Mơ Rông và Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND, UBMTTQVN xã Tu Mơ Rông Hạng mục: Tái định cư 42 hộ, xã Tu Mơ Rông	ONT	ONT	4.15	4.15	-																																	-	Xã Tu Mơ Rông		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tinhkon Tum; Quyết định số 1342/QĐ-UBND, ngày19/12/2020 về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2021 huyện Tu Mơ Rông(Dự án đưa vào làm thủ tục pháp lý về đất đai)
11	Dự án bố trí ổn định dân di cư tự do và sắp xếp dân cư ở vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông	ONT	ONT	6.71		6.71				6.71																														Xã Đăk Na		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 29/9/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc Điều chỉnh bổ sung một số nội dung tại Nhị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
12	Cụm hồ Đăk Rô Gia -Ia Tun xã Đăk Rơ Ông	DHT	DTL	6.00		6.00	0.50		2.00	1.50																											2.00		Xã Đăk Rơ Ông		Quyết định số 3189/QĐ-BNN-KH, ngày 19/7/2021của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc chủ trương đầu tư Dự án Cụm hồ Đăk Rô Gia -Ia Tun
	Cụm hồ Đăk Rô Gia - Ia Tun, xã Đăk Tờ Kan	DHT	DTL	75.61		75.61	2.00	2.50	48.00	11.50		1.61																									10.00		Xã Đăk Tờ Kan		

STT	Hạng mục	Mã loại đất		Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ loại đất																																				Địa điểm (đến cấp Xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất Cấp xã	Văn bản pháp lý ghi vốn
							LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSN	RST	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	SON	CSD			
13	QH Đất Thương mại dịch vụ (đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí số 8: Thôn Đăk Xia, xã Ngọk Lây, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum)	TMD	TMD	0.06	0.00	0.06																												0.06						Xã Ngọc Lây		Quyết định số 1664/QĐ-UBND, ngày 13/12/2011 về phê duyệt đề án chung xây dựng nông thôn mới xã Ngọc Lây, huyện Tu Mơ Rông (giai đoạn 2010-2015), định hướng đến năm 2020)
14	Siêu thị Mi Ni	TMD	TMD	0.17		0.17																																0.17	Xã Đăk Hà		Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 20/6/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tết khu trung tâm hành chính - Chính trị thị trấn huyện ly
15	Đấu giá QSD khu thương mại dịch vụ khác khu C10 (C9 cũ)	TMD	TMD	0.20		0.20				0.20																													Xã Đăk Hà		
16	Đấu giá QSD (hoặc giao đất) lô đất 19,20, tờ bản đồ số TĐ-2012	ONT	ONT	0.05		0.05			0.05																														Xã Đăk Hà		Văn bản số 2069/UBND ngày 18/12/2020 của UBND huyện về việc thống nhất lập phương án đấu giá
17	Đấu giá QDSD (hoặc giao đất) khu vực giáp bờ kè suối Đăk Ter, đoạn đường bê tông từ thôn Mô Pa đi thôn Tu Mơ Rông	ONT	ONT	2.60		2.60			2.60																														Xã Đăk Hà		Văn bản số 2031/UBND ngày 08/12/2020 của UBND huyện về việc thống nhất lập phương án đấu giá
18	Đấu giá QSDĐ (hoặc giao đất) khu vực giáp công an huyện	ONT	ONT	0.54		0.54			0.54																														Xã Đăk Hà		
19	Đấu giá QSDĐ (hoặc giao đất) từ cầu Đăk Tiu đến giáp vị trí đất đã cấp cho cán bộ công chức năm 2015	ONT	ONT	0.21		0.21			0.21																														Xã Đăk Hà		Văn bản số 1499/UBND ngày 14/9/2020 của UBND huyện về việc thống nhất lập phương án đấu giá
20	Đấu giá QSDĐ (hoặc giao đất) đoạn phía sau đất ông Nguyễn Đình Sùng, giáp đường bờ kè suối Đăk Ter	ONT	ONT	0.04		0.04			0.04																														Xã Đăk Hà		
21	Đấu giá QSDĐ (hoặc giao đất) đoạn từ đất ông Bùi Trọng Nghiêm đến cầu Đăk Siêng	ONT	ONT	0.07		0.07			0.07																														Xã Đăk Hà		
22	Đấu giá QSDĐ (hoặc giao đất) đoạn từ giáp bến xe đến giáp đất ông A Nhuông	ONT	ONT	0.44		0.44			0.44																														Xã Đăk Hà		
23	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do nhà nước quản lý	ONT	ONT	0.001	0.001	-																																	Xã Đăk Hà		Công văn 276/UBND-TNMT ngày 23/02/2021 của UBND huyện Tu Mơ Rông
24	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông Kon Tum	RSX	RSN	16.19	16.19	-																																	Xã Ngọc Lây		Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 4/9/2018 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư
		PNK	PNK	0.50		0.50						0.50																											Xã Ngọc Lây		
25	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp. (Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao An Bình Kon Tum)	RSX	RSN	20.00	20.00	-																																	Xã Ngọc Lây		Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 871/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh
		PNK	PNK	0.50		0.50						0.50																											Xã Ngọc Lây		
26	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của CÔNG TY TNHH CAPELLA GROUP tại xã Đăk Hà	HNK	HNK	58.00	58.00	-																																	Xã Đăk Hà		Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về việc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
		RSX	RSN	742.40	742.40	-																																	Xã Đăk Hà		
27	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của CÔNG TY TNHH CAPELLA GROUP tại xã Ngọc Yêu	HNK	HNK	25.00	25.00	-																																	Xã Ngọc Yêu		
		RSX	RSN	99.90	99.90	-																																	Xã Ngọc Yêu		
28	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của CÔNG TY TNHH CAPELLA GROUP tại xã Tê Xăng	HNK	HNK	13.58	13.58	-																																	Xã Tê Xăng		
		RSX	RSN	37.40	37.40	-																																	Xã Tê Xăng		
		NKH	NKH	2.00		2.00			2.00																														Xã Tê Xăng		
29	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của CÔNG TY TNHH CAPELLA GROUP tại xã Tu Mơ Rông	HNK	HNK	160.30	159.00	1.30				1.30																													Xã Tu Mơ Rông		
		RSX	RSN	259.90	259.90	-																																	Xã Tu Mơ Rông		
		NKH	NKH	5.00		5.00			5.00																														Xã Tu Mơ Rông		
30	Dự án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng kết hợp với sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp của CÔNG TY TNHH CAPELLA GROUP tại xã Văn Xuôi	HNK	HNK	27.10	27.10	-																																	Xã Văn Xuôi		
		RSX	RSN	311.60	311.60	-																																	Xã Văn Xuôi		
		PNK	PNK	2.00		2.00			2.00																														Xã Văn Xuôi		
31	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Đăk Hà	CLN	CLN	8.00		8.00			8.00																														Xã Đăk Hà		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
32	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Đăk Na	CLN	CLN	10.00		10.00			8.00																													2.00	Xã Đăk Na		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
33	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Đăk Sao	CLN	CLN	7.00		7.00			7.00																														Xã Đăk Sao		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
34	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Đăk Rơ Ông	CLN	CLN	8.00		8.00			8.00																														Xã Đăk Rơ Ông		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
35	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Đăk Tơ Kan	CLN	CLN	6.00		6.00			6.00																														Xã Đăk Tờ Kan		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
36	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Măng Ri	CLN	CLN	7.50		7.50			7.50																														Xã Măng Ri		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
37	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Tu Mơ Rông	CLN	CLN	8.00		8.00			8.00																														Xã Tu Mơ Rông		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
38	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Ngọc Lây	CLN	CLN	7.00		7.00			7.00																														Xã Ngọc Lây		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
39	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Tê Xăng	CLN	CLN	8.00		8.00			8.00																														Xã Tê Xăng		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
40	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Ngọc Yêu	CLN	CLN	10.00		10.00			10.00																														Xã Ngọc Yêu		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
41	Kế hoạch mở rộng đất trồng cây lâu năm tại xã Văn Xuôi	CLN	CLN	10.00		10.00			10.00																														Xã Văn Xuôi		Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân
42	Cát xây dựng tại Làng Kon Hnông, xã Đăk Tờ Kan, huyện Tu Mơ Rông	SON	SON	5.00	5.00	-																																	Xã Đăk Tờ Kan		Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum (Đưa vào để làm thủ tục pháp lý về đất đai)
43	Cát xây dựng Sông Đăk Long, xã Tê Xăng, huyện Tu Mơ Rông	SON	SON	3.50	3.50	-																																	Xã Tê Xăng		Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum
44	Cát xây dựng tại Làng Đăk Chum 2, xã Tu Mơ Rông, huyện Tu Mơ Rông	SON	SON	7.10	7.10	-																																	Xã Tu Mơ Rông		
45	Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường, đất làm vật liệu san lấp tại điểm mỏ số 32 , làng Ngọc Leng, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông (Thuộc dự án: Đá xây dựng tại Làng Ngọc Leng, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông): Hạng mục Khai thác khoáng sản	SKX	SKX	3.21		3.21						3.21																											Xã Đăk Hà		Nhu cầu chuyển mục đích doanh nghiệp
2.3.2	**Công trình, dự án đăng ký mới**																																										
1	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí 1: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Đoạn giáp phía sau đất ông Nguyễn Đình Sùng, giáp đường bờ kè suối Đăk Ter)	ONT	ONT	0.04		0.04																																0.04	Xã Đăk Hà		Căn cứ Công văn số 1036-CV/VPHU, ngày 29/12/2021 của Văn phòng Huyện ủy huyện Tu Mơ Rông về giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá; Thông báo số 181-TB/HU, ngày 10/09/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy Tu Mơ Rông về kết luận Hội nghị Ban thường vụ Huyện ủy, kỳ họp chuyên đề
2	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí 2: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (đoạn từ Giáp lô số 1 vị trí số 03 giao đất năm 2021 đến giáp đất ông Nguyễn Quang Nhất)	ONT	ONT	0.02		0.02																																0.02	Xã Đăk Hà		
3	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí 3: Thôn Mô Pa, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Khu vực trước trường PTTH BT THCS xã Đăk Hà)	ONT	ONT	0.04		0.04																																0.04	Xã Đăk Hà		
4	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí 4: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Khu vực giáp bến xe huyện)	ONT	ONT	0.44		0.44																																0.44	Xã Đăk Hà		
5	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí 5: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Khu vực giáp Công an huyện)	ONT	ONT	0.54		0.54																																0.54	Xã Đăk Hà		
6	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí 6: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Khu vực từ cầu Đăk Tiu đến vị trí lô số 01 giao đất năm 2021)	ONT	ONT	0.10		0.10																																0.10	Xã Đăk Hà		
7	Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất Vị trí số 07: Thôn Tu Mơ Rông, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum (Đoạn từ Cống thoát nước đến giáp đất ông Võ Trung Mạnh)	ONT	ONT	0.02		0.02																																0.02	Xã Đăk Hà		
8	Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xã Đăk Hà	SKN	SKN	15.00	-	15.00			1.20	2.80			11.00																										Xã Đăk Hà		Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định 452/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án "Phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, có tính đến năm 2030"
	TỔNG			**2,283.03**	**1,884.72**	**398.31**	**2.75**	**2.88**	**238.26**	**85.63**	**3.04**	**11.66**	**16.11**	**0.02**	**-**	**-**	**-**	**0.03**	**-**	**-**	**0.50**	**-**	**-**	**0.01**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0.06**	**0.00**	**0.30**	**0.14**	**4.75**	**-**	**0.58**	**0.03**	**25.02**	**6.53**			
				1,885.36	1,885.36	-																																				
						398.31	2.75	2.88	238.26	85.63	3.04	11.66	16.11	0.02	-	-	-	0.03	-	-	0.50	-	-	0.01	-	-	-	-	-	0.06	0.00	0.30	0.14	4.75	-	0.58	0.03	25.02	6.53			
						-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
							-	-	-	7.11	-	5.82	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0.06	-	-	-	12.00	3.37			

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ loại đất																																	Địa điểm (đến cấp Xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất Cấp xã	Văn bản pháp lý ghi vốn
						LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSN	RST	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	SON	CSD			

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ loại đất																																	Địa điểm (đến cấp Xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất Cấp xã	Văn bản pháp lý ghi vốn
						LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSN	RST	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	SON	CSD			

STT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Sử dụng từ loại đất																																	Địa điểm (đến cấp Xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất Cấp xã	Văn bản pháp lý ghi vốn
						LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSN	RST	NTS	NKH	CQP	CAN	TMD	SKC	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DBV	DDT	DRA	NTD	DCH	DSH	ONT	ODT	TSC	DTS	SON	CSD			